TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 608/2019/HNGĐ-ST
Ngày 21-5-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Minh Phượng.

Ông Nguyễn Văn Soan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Diệp Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Anna Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1329/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Kim L; sinh năm: 1985; địa chỉ: đường A, Phường B, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn*: Ông Phạm Đăng K; sinh năm: 1977; địa chỉ: đường C, Phường D, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/9/2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim L trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Đăng K cùng tự nguyện tiến tới hôn nhân và chung sống với nhau vào năm 2010, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn. Năm 2015, bà và ông Phạm Đăng K đã được Tòa án giải quyết cho ly hôn, đến năm 2016, bà và ông K đăng ký kết hôn lại theo Giấy chứng

nhận kết hôn số: 233 ngày 27/12/2016 của Ủy ban nhân dân Phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cuộc sống hôn nhân được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, bất đồng về tính cách. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2015 cho đến nay. Nay, bà xác định không còn tình cảm với ông K và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống riêng của mỗi người.

Về nuôi con chung: Bà xác nhận cả hai có 01 con chung tên là Phạm Yến V, sinh ngày 26/6/2011. Sau khi ly hôn, bà đồng ý giao con chung cho ông Phạm Đăng K được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và bà không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Toà án giải quyết trong vụ án này.

Bị đơn là ông Phạm Đăng K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim L có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn là ông Phạm Đăng K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tự khai, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia phiên tòa nhưng ông K đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý giữa những người tham gia tố tụng, về quan hệ pháp luật tranh chấp, về thu thập chứng cứ đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn được thực hiện đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cụ thể: Bà Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với ông Phạm Đăng K; giao trẻ tên là Phạm Yến V, sinh ngày 26/6/2011 cho ông Phạm Đăng K được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, bà Nguyễn Thị Kim L không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu

Tòa án giải quyết trong vụ án này. Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số: 233, do Ủy ban nhân dân Phường D, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/12/2016, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim L và ông Phạm Đăng K là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L thì đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Do bị đơn là ông Phạm Đăng K hiện đang cư trú tại Phường D, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim L có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là ông Phạm Đăng K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Kim L và ông Phạm Đăng K theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau, yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tuy nhiên, do mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn nên bà Nguyễn Thị Kim L và ông Phạm Đăng K đã sống ly thân từ tháng 8/2015 cho đến nay. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với ông Phạm Đăng K đến Tòa án để tự khai, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông K đều vắng mặt không có lý do, cũng như không nộp cho Toà án ý kiến hay yêu cầu của mình về việc giải quyết vụ án. Điều này thể hiện ông K hoàn toàn không quan tâm đến yêu cầu ly hôn của bà L và cũng không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được. Do đó, đối với yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim L là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.2] Về nuôi con chung: Căn cứ lời khai của bà Nguyễn Thị Kim L, xác định được: Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Phạm Đăng K có 01 con chung tên là Phạm Yến V, sinh ngày 26/6/2011. Bà Nguyễn Thị Kim L đồng ý giao con chung cho ông Phạm Đăng K được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và bà không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, ông Phạm Đăng K đang là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Phạm Yến V. Mặt khác, theo nguyện vọng của trẻ Phạm Yến V là muốn được ở với ba.

Xét thấy, nhằm tạo điều kiện cho trẻ được ổn định, không bị xáo trộn về tâm sinh lý cũng như trong cuộc sống và căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ Phạm Yến V, sinh ngày 26/6/2011 cho ông Phạm Đăng K được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Kim L trình bày không cấp dưỡng nuôi con chung. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Phạm Đăng K đều vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, cũng như không nộp cho Tòa án ý kiến hay yêu cầu của mình về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của bà L về việc bà không cấp dưỡng nuôi con chung.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim L khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 110; Điều 116; Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với ông Phạm Đăng K.

(Giấy chứng nhận kết hôn số: 233 ngày 27/12/2016 của Ủy ban nhân dân Phường D, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực).

- Về nuôi con chung: Ông Phạm Đăng K được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Phạm Yến Vy, sinh ngày 26/6/2011. Bà Nguyễn Thị Kim L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ; người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim L xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

2. Án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu, được trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị Kim L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: AA/2018/0001191 ngày 20/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Phạm Đăng K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- UBND Phường D, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Tuyết Mai